

# Thực trạng quản lý hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ ở các trường mầm non công lập huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

Phan Thị Hoàng Oanh\*

\*GV Trường Mầm non Hoa Hồng 2, Tân Quý Tây, Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

Received: 7/9/2023; Accepted: 12/9/2023; Published: 19/9/2023

**Abstract:** Based on the theoretical basis of managing child rearing and care activities, the article surveys and evaluates the current status of managing these activities in public preschools in Binh Chanh district, Ho Chi Minh City. The results show that managers and teachers have a good awareness of their operational roles, thereby effectively implementing the goals and content of nurturing and caring for children. However, in management there are still many inadequacies and passivity in the stages of planning, organizing, directing, inspecting and evaluating results. The results of the current situation assessment will suggest new approaches to management for preschools.

**Keywords:** Nurture, care, preschool children, Binh Chanh.

## 1. Mở đầu

Hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ (HĐ NDCST) mầm non luôn được các cơ sở giáo dục mầm non quan tâm, bởi vì đây là lứa tuổi cần được chăm sóc, bảo vệ tốt nhất. Trên địa bàn huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (TP. HCM) việc quản lý (QL) HĐ NDCST ở các trường mầm non công lập (MNCL) đã từng bước đi vào nền nếp, đạt được một số kết quả tốt cả về nội dung và phương thức thực hiện; tuy vậy, vẫn còn những khó khăn, bất cập cần được nhìn nhận đúng đắn để khắc phục. Dựa trên cơ sở lý luận về QL HĐ NDCST ở các trường mầm non, tác giả xem xét, đánh giá và đưa ra những góc nhìn về thực tiễn quản lý ở các trường mầm non công lập của huyện Bình Chánh.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Quản lý hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ ở trường mầm non

HĐ NDCST ở trường mầm non là một hoạt động giáo dục, với mục tiêu là giúp trẻ phát triển về thể chất và tinh thần. Nội dung hoạt động thực hiện theo chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo, với phương thức tổ chức hoạt động và các điều kiện hỗ trợ được lồng ghép sử dụng cùng với các hoạt động chăm sóc, giáo dục khác của trường mầm non.

QL HĐ NDCST ở trường mầm non là một hệ thống những tác động có mục đích, có kế hoạch, có tổ chức của chủ thể quản lý (là hiệu trưởng nhà trường) lên đối tượng quản lý để huy động và phối hợp các

nguồn nhân lực nhằm đạt được mục tiêu HĐNDCST. Theo tiếp cận chức năng thì đó là việc hiệu trưởng sử dụng các chức năng kế hoạch hóa, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá để quản lý hoạt động.

### 2.2. Thực trạng QL HĐ NDCST ở các trường mầm non công lập huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Để đánh giá thực trạng QL HĐ NDCST ở các trường MNCL bài viết tiến hành khảo sát 297 khách thể, gồm 18 cán bộ quản lý (CBQL), 16 tổ trưởng chuyên môn, 143 giáo viên và 120 cha mẹ trẻ của 06 trường MNCL ở huyện Bình Chánh, TP.HCM. Phương pháp xử lý số liệu là tính điểm trung bình (ĐTB) và xếp hạng sử dụng thang điểm 4 bậc, với giá trị khoảng cách giữa mỗi bậc là 0.75; trong đó, ý nghĩa của từng giá trị trung bình: 1.00-1.75: Yếu/không ảnh hưởng/không thường xuyên/không đạt tối thiểu; 1.76-2.50: TB/không ảnh hưởng/không thường xuyên/mức tối thiểu; 2.51-3.25: Khá/ảnh hưởng mạnh/thường xuyên/trên mức tối thiểu; 3.26-4.00: Tốt/ảnh hưởng rất mạnh/rất thường xuyên/tiến tiến. Kết quả chủ yếu như sau:

#### 2.2.1. Thực trạng HĐ NDCST

a. Nhận thức về vai trò của HĐ NDCST: Khách thể đánh giá ở mức khá với ĐTB 3.10; điểm các nội dung khảo sát nằm trong khoảng từ 3.02 đến 3.13, tỷ lệ đánh giá ở mức quan trọng từ 55.56% đến 57.24%, tỷ lệ đánh giá ở mức rất quan trọng từ 26.26% đến 30.64%. Cụ thể: Nội dung “Giúp xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn, số bữa ăn phù hợp với độ tuổi của trẻ”

có kết quả đánh giá rất quan trọng là 29.29%, quan trọng là 57.24%; Nội dung “Giúp tổ chức ngủ cho trẻ một cách khoa học, hỗ trợ sự phát triển bền vững của trẻ” có kết quả đánh giá rất quan trọng là 30.64%, quan trọng là 55.56%; Nội dung “Giúp vệ sinh cho trẻ đúng cách và đảm bảo vệ sinh môi trường nơi trẻ sống tốt nhất” có kết quả đánh giá rất quan trọng là 30.30%, quan trọng là 56.57%; Nội dung “Đảm bảo sự chăm sóc sức khỏe và an toàn cho trẻ” có kết quả đánh giá rất quan trọng là 26.26%, quan trọng là 57.24%. Tuy nhiên ở tất cả 04 nội dung đánh giá vẫn còn một tỉ lệ không nhỏ khách thể cho rằng ít quan trọng và không quan trọng (chiếm tỉ lệ từ 4.04%-9.76%). Điều này cho thấy cần nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên và cha mẹ trẻ về vai trò, tầm quan trọng của HĐ NDCST trẻ ở các trường MNCL huyện Bình Chánh.

*b. Thực trạng thực hiện mục tiêu NDCST:* Kết quả được khách thể đánh giá khá với ĐTB là 3.10; điểm đánh giá các nội dung từ 3.04 đến 3.14. Tuy nhiên, vẫn có từ 2.36% đến 5.05% chọn mức yếu cho cả bốn nội dung khảo sát. Việc thực hiện các mục tiêu giữa các đơn vị trong trường chưa có sự đồng đều.

*c. Thực trạng nội dung NDCST* được đánh giá ở mức khá, ĐTB 3.09; điểm các nội dung từ 3.06 đến 3.12. Đáng chú ý, mức độ đánh giá yếu chiếm tỉ lệ từ 2.02% đến 2.69% cho cả bốn nội dung khảo sát. Như vậy, cán bộ quản lí và giáo viên cần có biện pháp phù hợp để cải thiện kết quả thực hiện nội dung NDCST ở các trường MNCL lập.

*d. Thực trạng về phương pháp tổ chức NDCST:* Mức độ sử dụng phương pháp tổ chức NDCST ở các trường MNCL huyện Bình Chánh được đánh giá mức độ khá với điểm trung bình 3.05 điểm, các phương pháp được đánh giá mức độ tốt (11.11% - 16.16%), riêng nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương được đánh giá cao nhất với 16.16% mức độ thực hiện tốt. Ngoài ra, nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ và nhóm phương pháp trực quan - minh họa cũng được đánh giá cao với mức độ thực hiện tốt lần lượt là 15.49% và 12.79%. Tuy nhiên, còn nhiều ý kiến cho rằng cả 05 nhóm phương pháp áp dụng hiệu quả chưa cao (1.01% - 3.70%), đạt mức yếu. Từ đó cho thấy việc áp dụng các nhóm phương pháp vào tổ chức NDCST ở các trường MNCL huyện Bình Chánh chưa đạt hiệu quả tối đa, cần phải rút kinh nghiệm.

*đ. Thực trạng về hình thức tổ chức NDCST*

- *Tần suất áp dụng các hình thức tổ chức NDCST*

được đánh giá ở mức thường xuyên, ĐTB 3.07; điểm các nội dung từ 3.01 đến 3.15. Đáng chú ý, ba hình thức có điểm đánh giá thấp hơn trên tổng số bốn hình thức gồm “Tổ chức giờ ăn cho trẻ theo độ tuổi, nhóm lớp”, “Chăm sóc vệ sinh theo cá nhân, nhóm nhỏ” và “Tổ chức giờ ngủ theo không gian, nhóm lớp”. Đặc biệt, tỉ lệ đánh giá không thường xuyên từ 1.01% - 2.69%.

- *Kết quả áp dụng* các hình thức được đánh giá ở mức khá với ĐTB 3.03; điểm các nội dung nằm trong khoảng từ 2.98 đến 3.06. “Chăm sóc vệ sinh cho trẻ theo cá nhân, nhóm nhỏ”, “Tổ chức giờ ăn cho trẻ theo độ tuổi, nhóm lớp” và “Chăm sóc SK bản thân và an toàn theo số lượng” tiếp tục có điểm thấp hơn, có tỉ lệ đánh giá trung bình, yếu cao (từ 2.36% đến 7.41%). Đáng chú ý là “Chăm sóc SK bản thân và an toàn theo số lượng” có đánh giá khá cao cả về tần suất và kết quả áp dụng.

*e. Thực trạng điều kiện hỗ trợ HĐ NDCST:* Điều kiện hỗ trợ HĐ NDCST được đánh giá ở mức đạt tối thiểu, ĐTB 3.16; điểm các nội dung từ 3.14 đến 3.18. Kết quả này cho thấy các điều kiện về “Nguồn nhân lực”, “Sự phối hợp của các lực lượng bên ngoài nhà trường”, “Cơ sở vật chất và tài chính” hỗ trợ hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu và việc đưa ra biện pháp cải thiện là cần thiết, nhất là đối với cơ sở vật chất và tài chính có đến 3.03% cho là không đạt tối thiểu.

*2.2.2. Thực trạng quản lí HĐ NDCST*

*a. Thực trạng quản lí hoạt động giáo dục nâng cao nhận thức*

Kết quả thực hiện các nội dung quản lí hoạt động giáo dục nâng cao nhận thức được đánh giá ở mức khá, ĐTB chung 3.05; điểm các nội dung trong khoảng từ 2.90 đến 3.16. Ở tất cả tám nội dung khảo sát, tuy đánh giá khá chiếm phần lớn nhưng tỉ lệ đánh giá trung bình, yếu khá cao (từ 1.01% đến 7.74%). Qua khảo sát, nội dung “Thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giáo dục nhận thức” và nội dung “Triển khai phân công, phân cấp thực hiện các hoạt động giáo dục nâng cao nhận thức” chưa được đánh giá cao trong 08 nội dung khảo sát. Qua đó, cán bộ quản lí các trường cần làm tốt hơn nữa về việc phân công, phân cấp thực hiện các hoạt động giáo dục nâng cao nhận thức và thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giáo dục nhận thức. Những tồn tại bộc lộ qua đánh giá, cần được rút kinh nghiệm để có biện pháp khắc phục nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động quan trọng này.

*b. Thực trạng kế hoạch hóa HĐ NDCST*

Kế hoạch hóa HĐ NDCST được đánh giá ở mức

khá, ĐTB chung 3.06, điểm các nội dung từ 2.91 đến 3.18. Tất cả tám nội dung đều nhận được đa số đánh giá ở mức khá (từ 36.36% đến 40.40%). Tuy nhiên, mức đánh giá yếu cũng còn tỉ lệ trải đều cả tám nội dung (từ 1.01% đến 6.40%). Nội dung “Xây dựng khung kiểm tra, giám sát và đánh giá thực hiện kế hoạch” được đánh giá là hạn chế nhất, ĐTB 2.91, thấp nhất và tỉ lệ đánh giá yếu cao nhất 6.40%. Điều này cho thấy, các trường chưa có được khung kiểm tra, giám sát và đánh giá thực hiện kế hoạch HĐ NDCST. Vì vậy, cải tiến công tác kế hoạch hóa hoạt động cần phải được thực hiện hiệu quả, đồng bộ.

#### *c. Thực trạng tổ chức thực hiện HĐ NDCST*

Tổ chức thực hiện HĐ NDCST được đánh giá khá, ĐTB là 3.12, điểm các nội dung từ 3.08 đến 3.18. Đáng chú ý, các nội dung “Triển khai cho cá nhân/tổ chức thực hiện các biện pháp”, “Rà soát kiện toàn bộ máy nhà trường đảm bảo đủ sức thực hiện kế hoạch NDCST”, “Xem xét để điều chuyển, bổ sung nhân sự đủ ở các vị trí việc làm” được đánh giá thấp hơn so với hai nội dung còn lại, đặt ra yêu cầu về việc cải thiện công tác phân công, phân cấp, rà soát nhân sự trong QL HĐ NDCST.

#### *d. Thực trạng chỉ đạo thực hiện HĐ NDCST*

Chỉ đạo thực hiện HĐ NDCST được đánh giá khá với ĐTB 3.12 điểm các nội dung từ 3.02 đến 3.19. Ba nội dung được đánh giá với mức thấp nhất trong 09 nội dung khảo sát là: “Chỉ đạo phòng tránh dịch bệnh”, “Chỉ đạo công tác nuôi dưỡng”, “Chỉ đạo thực hiện các chuyên đề”. Vì thế, cần đưa ra biện pháp để làm tăng hiệu lực chỉ đạo của hiệu trưởng.

#### *đ. Thực trạng kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả HĐ NDCST*

Kết quả khảo sát cho thấy, trung bình chung các nội dung về kiểm tra, giám sát việc thực hiện và đánh giá kết quả HĐ NDCST trẻ ở các trường MNCL huyện Bình Chánh được đánh giá mức khá (ĐTB 3.15 điểm). Tất cả các nội dung được đánh giá đạt mức khá, điểm trung bình từ 3.05-3.21. Từ đó cho thấy vai trò của hiệu trưởng trong việc kiểm tra đánh giá rất quan trọng trong HĐ NDCST ở các trường mầm non. Hiệu trưởng cần làm tốt hơn nữa về xây dựng kênh thông tin chỉ đạo trên xuống, báo cáo dưới lên để thu thập thông tin đầy đủ, kịp thời; phân công, phân cấp cụ thể về kiểm tra, đánh giá kết quả kết quả hoạt động một cách đầy đủ để từ đó rút ra bài học quản lý cho kỳ kế hoạch sau.

#### *2.2.3. Thực trạng ảnh hưởng của các yếu tố đến QL HĐ NDCST*

*a. Ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan:* Kết quả đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan đạt mức ảnh hưởng mạnh, ĐTB là 3.20, điểm các yếu tố từ 3.14 đến 3.25. Toàn bộ ba yếu tố này đều có đánh giá ở mức ảnh hưởng mạnh trở lên đạt trên 56%. Các yếu tố này là: “Năng lực của CBQL”; “Phẩm chất, năng lực của giáo viên”; “Sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình”. Đặc biệt, yếu tố “Năng lực của CBQL” được đánh giá cao nhất, nhấn mạnh tầm quan trọng của CBQL trong QL HĐ NDCST.

*b. Ảnh hưởng của các yếu tố khách quan:* Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố khách quan được đánh giá ở mức ảnh hưởng mạnh với ĐTB 3.22, điểm các yếu tố từ 3.19 đến 3.26. Hai trong ba yếu tố có đánh giá ở mức ảnh hưởng mạnh trở lên đạt trên 90% là “Quy định của các cơ quan quản lý”; “Sự chỉ đạo của Sở, Phòng GD và ĐT”. Yếu tố “Môi trường văn hóa và môi trường sống của cộng đồng” có mức ảnh hưởng mạnh chiếm tỉ lệ cao nhất 60.94%, cho thấy vai trò của môi trường văn hóa và môi trường sống của cộng đồng đối với QL HĐ NDCST.

### **3. Kết luận**

Qua kết quả đánh giá thực trạng trên, nhìn chung HĐNDCS trẻ ở các trường MNCL huyện Bình Chánh, TP.HCM đã đạt được một số thành tựu nhất định trong bối cảnh các điều kiện hỗ trợ còn thiếu. Tuy nhiên, dù CBQL, giáo viên, nhân viên và cha mẹ trẻ có nhận thức rất cao về vai trò của HĐ NDCST, kết quả thực hiện mục tiêu, nội dung, phương pháp tổ chức và hình thức tổ chức hoạt động, cũng như công tác QL HĐ NDCST chưa nhận được đánh giá tương xứng với mức nhận thức này. Kết quả nghiên cứu này là cơ sở để đề xuất những biện pháp phù hợp đối với QL HĐ NDCST ở các trường MNCL huyện Bình Chánh, TP.HCM để triển khai hoạt động đồng bộ, đạt hiệu quả cao hơn./.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Thông tư 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021, về ban hành Chương trình giáo dục mầm non*. Hà Nội.
2. Bùi Minh Hiền (Chủ biên), Vũ Ngọc Hải & Đặng Quốc Bảo (2011), *Quản lý giáo dục* (In lần thứ ba), NXB Đại học Sư phạm.
3. Lê Khánh Tuấn (2018), *Dự báo và Kế hoạch hoá trong quản lý giáo dục*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
4. Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05 tháng 01 năm 2022 về Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng 2021-2030 và tầm nhìn đến 2045*, Hà Nội.